BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1075../QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-ĐHNT ngày 24/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học, liên thông và bằng hai;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học cho 105 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (*có tên trong danh sách kèm theo*).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	07
2	Kinh tế	01
3	Kế toán	15
4	Kỹ thuật xây dựng	06
5	Nuôi trồng thủy sản	08
6	Ngôn ngữ Anh	58
7	Quản trị kinh doanh	06
8	Tài chính – Ngân hàng	04
	Tổng cộng	**105**

Điều 2. Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐTBD.

P. ĐBCL&KT

Đinh Đồng Lưỡng

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

(Theo Quyết định số: 1075/QĐ-ĐHNT ngày 01 tháng 9 năm 2019)

1. Ngành: Công nghệ chế biến thủy sản

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	CM15CB0101	Ngụy Hiếu	Bền	02/07/1992	Cà Mau	Khá	CM15CBT
2	CM15CB0114	Võ Việt	Hân	20/10/1988	Cà Mau	Khá	CM15CBT
3	CM15CB0162	Du Minh	Hiếu	14/04/1984	Cà Mau	Khá	CM15CBT
4	CM15CB0122	Phạm Quang	Linh	18/06/1992	Cà Mau	Khá	CM15CBT
5	CM15CB0128	Huỳnh Quốc	Nghi	01/05/1989	Cà Mau	Khá	CM15CBT
6	CM15CB0130	Nguyễn Chí	Nguyện	05/04/1992	Cà Mau	Khá	CM15CBT
7	CM15CB0159	Phạm Hùng	Sử	09/06/1986	Cà Mau	Khá	CM15CBT

Danh sách gồm 07 sinh viên.

2. Ngành: Kinh tế nông nghiệp

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	46134380B	Lê Thành	Vinh	27/05/1986	Nghệ An	Trung bình	NT17KTTC

Danh sách gồm 01 sinh viên.

3. Ngành: Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	13DN0391	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	20/10/1986	Cần Thơ	Trung bình	CT213DN
2	14DN0993	Châu Văn	Dình	10/11/1993	Vĩnh Long	TB Khá	CT14TDN1
3	14DN1000	Huỳnh Thị Kiều	Hương	05/09/1991	Vĩnh Long	TB Khá	CT14TDN1
4	14DN1001	Nguyễn Thị Thảo	Huyên	21/01/1994	Hậu Giang	TB Khá	CT14TDN1
5	CT15DN0115	Lữ Thị Yến	Như	10/01/1994	Vĩnh Long	TB Khá	CT215DNT
6	CT15DN0121	Trần Thị Mộng	Thi	01/01/1993	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
7	CT15DN0131	Nguyễn Hồng	Vân	24/09/1981	Cần Thơ	TB Khá	CT215DNT
8	CT15DN0133	Trần Thị Diệu	Yến	19/05/1992	Kiên Giang	TB Khá	CT215DNT
9	14DN1024	Hồ Thành	An	17/05/1985	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN2
10	14DN1035	Trần Thị	Phấn	24/05/1989	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN2
11	14DN1040	Nguyễn Văn	Vững	03/08/1989	Thanh Hóa	Trung bình	NT14TDN2
12	16DN0706	Trần Trung	Đễ	25/08/1993	Bình Định	TB Khá	NT16TDN3
13	16DN0735	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/09/1982	Khánh Hòa	Trung bình	NT16TDN3
14	PR16DN0185	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/12/1985	Tiền Giang	TB Khá	PR16TDN
15	13DN0668	Nguyễn Thị Phương	Thanh	20/02/1991	Khánh Hòa	Trung bình	NT13DN2

Danh sách gồm 15 sinh viên.

4. Ngành: Kỹ thuật xây dựng

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT15XD0164	Đinh Ngọc	Nhân	01/07/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD1
2	PR15XD0131	Quảng Đại	Rubi	10/11/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR215XDC
3	NT16XD133	Trần Văn	Luân	28/03/1990	Thanh Hóa	TB Khá	NT16CXD
4	NT15XD0255	Võ Minh	Dương	13/10/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TXD1
5	NT15XD0266	Nguyễn Đức	Phú	22/05/1989	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TXD1
6	NT15XD0271	Đinh Giang	San	28/12/1984	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TXD1

Danh sách gồm 06 sinh viên.

5. Ngành: Nuôi trồng thủy sản

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	CM15NT0102	Lê Phi	Cơ	25/11/1989	Cà Mau	Khá	CM15NTT
2	CM15NT0125	Lê Thị	Mộng	10/06/1992	Cà Mau	Khá	CM15NTT
3	CM15NT0115	Võ Tuấn	Thành	24/05/1986	Cà Mau	Khá	CM15NTT

0 Xóa phi?

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
4	17NT0219	Nguyễn Thị Minh	Đạt	01/02/1996	Bình Thuận	TB Khá	NT17CNT
5	17NT0223	Nguyễn Minh	Dũng	10/01/1996	Khánh Hòa	TB Khá	NT17CNT
6	17NT0214	Hồ Tiến	Thuận	12/12/1996	Khánh Hòa	TB Khá	NT17CNT
7	17NT0222	Nguyễn Văn	Tí	05/08/1994	Phú Yên	TB Khá	NT17CNT
8	17NT0210	Nguyễn Văn	Vinh	08/08/1995	Ninh Thuận	TB Khá	NT17CNT

Danh sách gồm 08 sinh viên.

6. Ngành: Ngôn ngữ Anh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	KG16B2011	Lê Trung	Đỉnh	01/01/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG16B2TA
2	KG16B2020	Lê Việt	Khái	29/05/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG16B2TA
3	KG16B2033	Nguyễn Tiến	Tài	12/10/1975	Kiên Giang	Khá	KG16B2TA
4	NT16B2275	Nguyễn Xuân	Tạo	10/06/1967	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA3
5	PR16B2429	Trần Thị Yến	Ân	12/01/1991	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
6	PR16B2403	Đặng Thị Hồng	Anh	27/06/1981	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
7	PR16B2434	Nguyễn Thị Kim	Dung	23/04/1988	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
8	PR16B2421	Trần Hồ Quỳnh	Giao	30/12/1986	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
9	PR16B2412	Trương Thị Mỹ	Hà	20/08/1981	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
10	PR16B2417	Trần	Hiếu	12/03/1983	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
11	PR16B2414	Phạm Thị Kim	Huệ	18/10/1989	Khánh Hòa	TB Khá	PR216B2TA
12	PR16B2422	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	09/12/1981	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
13	PR16B2432	Nguyễn Thị Nhật	Khoa	25/11/1983	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
14	PR16B2400	Nguyễn Ngọc	Nam	01/09/1988	Hậu Giang	Khá	PR216B2TA
15	PR16B2402	Lương Thị Ngọc	Nữ	20/10/1989	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
16	PR16B2425	Nguyễn Ngọc	Sơn	10/06/1978	Ninh Thuận	TB Khá	PR216B2TA
17	PR16B2405	Lê Xuân	Trọng	13/05/1990	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
18	PR16B2409	Nguyễn Thanh	Tùng	20/10/1969	Bình Định	Khá	PR216B2TA
19	PR16B2413	Hồ Thị Thùy	Vân	19/09/1992	Bình Thuận	Khá	PR216B2TA
20	PR16B2424	Võ Thái	Vũ	24/02/1971	Ninh Thuận	Khá	PR216B2TA
21	17TA1052	Trần Đức	Trọng	02/12/1984	Nghệ An	Khá	NA17B2TA
22	18TA0001	Hà Thị Vân	Anh	11/04/1981	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
23	18TA0002	Trần Tú	Anh	12/04/1985	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
24	18TA0003	Bùi Danh	Ánh	09/08/1980	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
25	18TA0036	Nguyễn Thị Trâm	Anh	21/12/1993	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
26	18TA0004	Nguyễn Hữu	Bằng	11/07/1977	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
27	18TA0006	Hồ Quốc	Cường	30/05/1985	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
28	18TA0007	Nguyễn Tự	Cường	07/02/1981	Hà Tĩnh	Khá	NA18B2TA1
29	18TA0008	Nguyễn Võ	Dũng	25/09/1986	Hà Tĩnh	Khá	NA18B2TA1
30	18TA0038	Vũ Đình	Giáp	29/09/1984	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
31	18TA0009	Lê Thị Mỹ	Hạnh	02/05/1987	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
32	18TA0010	Nguyễn Thị Hải	Hậu	02/01/1979	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
33	18TA0011	Trần Hữu	Hiếu	01/01/1987	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
34	18TA0012	Nguyễn Văn	Hiếu	21/12/1978	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
35	18TA0014	Nguyễn Mạnh	Hùng	25/03/1984	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
36	18TA0016	Võ Thị Thu	Hương	27/09/1985	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
37	18TA0034	Hoàng Thị Thu	Hương	15/09/1974	Nam Định	Khá	NA18B2TA1
38	18TA0015	Nguyễn Thị	Huynh	08/09/1971	Hà Tĩnh	Khá	NA18B2TA1
39	18TA0017	Trình Văn	Kỳ	22/09/1992	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
40	18TA0041	Cao Thị	Lan	10/12/1978	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
41	18TA0042	Nguyễn Thị	Linh	15/07/1983	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
42	18TA0018	Hồ Đức	Long	04/02/1988	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
43	18TA0019	Lê Thị Hồng	Phúc	30/06/1993	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
44	18TA0032	Võ Thị Mai	Phương	05/09/1989	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
45	18TA0040	Phạm Văn	Thái	22/09/1977	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
46	18TA0039	Nguyễn Ngọc	Thắng	05/05/1985	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
47	18TA0037	Phan Thị Phương	Thảo	30/06/1993	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
48	18TA0022	Nguyễn Đình	Thiện	25/09/1981	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
49	18TA0043	Phạm Công	Tho	18/09/1979	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
50	18TA0033	Nguyễn Thị Hoài	Thu	11/08/1983	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
51	18TA0035	Ngô Vi	Tiến	14/02/1985	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
52	18TA0023	Hồ Sỹ	Trạch	04/09/1992	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
53	18TA0024	Phan Anh	Trâm	01/06/1977	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
54	18TA0025	Bùi Thị Tuyết	Trinh	16/12/1995	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
55	18TA0026	Thái Văn	Trọng	10/07/1990	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
56	18TA0027	Nguyễn Khắc	Tú	09/07/1983	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
57	18TA0028	Võ Thị Thanh	Tú	27/08/1988	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1
58	18TA0031	Hoàng Thị Hải	Yến	28/07/1984	Nghệ An	Khá	NA18B2TA1

Danh sách gồm 58 sinh viên.

7. Ngành: Quản trị kinh doanh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT16B2680	Phạm Đức	Hạnh	25/09/1991	Ninh Bình	TB Khá	NT16B2QT
2	11NT0127	Trương Nhật	Duy	22/01/1987	Khánh Hòa	Trung bình	NT11QTTC
3	15QT0102	Phạm Thị Bảo	Hòa	19/09/1995	Khánh Hòa	Khá	NT14QTTC
4	14KD0029	Lê Băng	Ngọc	02/01/1982	Khánh Hòa	TB Khá	NT14QTTC
5	14KD0020	Nguyễn Minh	Tâm	04/01/1985	Khánh Hòa	TB Khá	NT14QTTC
6	15QT0109	Phan Thanh	Tân	10/02/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT14QTTC

Danh sách gồm 06 sinh viên.

8. Ngành: Tài chính - Ngân hàng

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	51131236	Trần Khắc	Phú	16/06/1991	Khánh Hòa	Trung bình	NT18TCNH
2	KT16B2110	Trương Xuân	Kháng	10/05/1978	Quảng Trị	TB Khá	KT17B2TC
3	KT16B2111	Trần Thị Thúy	Lâm	03/02/1985	Ninh Bình	TB Khá	KT17B2TC
4	KT16B2116	Nguyễn Bá	Phương	28/04/1974	Hà Tĩnh	Khá	KT17B2TC

Danh sách gồm 04 sinh viên.

P. PĐCL&KT

Đinh Đồng Lưỡng